Biểu số: 06/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤP HÀNH VIÊN

03 tháng / năm 2017

Đơn vị báo cáo:
Cục THADS tỉnh Lào Cai
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục Thi hành án dân sự**

Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành								Chưa có điều kiện thi hành		
			Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:									
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác			
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
I	**Cục THADS tỉnh**	**95**	**55**	**40**			**95**	**58**	**25**		**30**	**2**			**1**	**37**	**70**	**43%**
1	Lục Xuân Diu	26	17	9			26	11	8		3					15	18	73%
2	Tạ Thị Lan Anh	6	6				6	1	1							5	5	100%
3	Nguyễn Thị Tuyết	11	1	10			11	11	3		8						8	27%
4	Chu Thị Thúy Hằng	18	9	9			18	12	9		2				1	6	9	75%
5	Quách Thị Thu Phương	22	17	5			22	11	4		5	2				11	18	36%
6	Vũ Trường Trinh	12	5	7			12	12			12							
7	Vũ Ngọc Phương																	
II	**Chi cục THADS huyện, TP**	**2.145**	**1.158**	**987**	**2**	**5**	**2.143**	**1.322**	**836**	**32**	**445**	**6**	**1**		**2**	**821**	**1.275**	**66%**
1	**Thành phố Lào Cai**	**802**	**400**	**402**			802	494	**356**	**7**	**131**					**308**	**439**	**73%**
1.1	Đỗ Ngọc Ba	70	36	34			70	46	33		13					24	37	72%
1.2	Hoàng Minh Tuấn	109	51	58			109	72	54	1	17					37	54	76%
1.3	Đặng Đình Sử	105	50	55			105	66	49		17					39	56	74%
1.4	Bùi Minh Nguyệt	110	42	68			110	74	56		18					36	54	76%
1.5	Nguyễn Văn Đáng	125	76	49			125	63	36	1	26					62	88	59%
1.6	Bùi Văn Yên	85	43	42			85	55	34	5	16					30	46	71%
1.7	Nguyễn Thị Luyến	123	65	58			123	72	55		17					51	68	76%
1.8	Vũ Thị Liễu	75	37	38			75	46	39		7					29	36	85%
2	**Huyện Bát Xát**	**116**	**53**	**63**	**1**		**115**	**69**	**47**		**22**					**46**	**68**	**68%**

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện
			Chia ra:					Có điều kiện thi hành								Chưa có điều kiện thi hành		
									Chia ra:									
		Tổng số	Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý			Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác			
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
2.1	Mai Xuân Hòa	11	1	10			11	10	6		4					1	5	60%
2.2	Đỗ Anh Tuấn	27	19	8			27	8	5		3					19	22	63%
2.3	Nguyễn Thị Thu Thủy	33	15	18	1		32	21	16		5					11	16	76%
2.4	Nguyễn Thanh Tùng	45	18	27			45	30	20		10					15	25	67%
3	**Huyện Bảo Thắng**	**467**	**279**	**188**	**1**		**466**	**297**	**158**	**13**	**124**				**2**	**169**	**295**	**58%**
3.1	Hà Khắc Thắng	28	2	26			28	28	28									100%
3.2	Phạm Đình Huy	115	62	53			115	86	38	4	44					29	73	49%
3.3	Đặng Hồng Thái	103	77	26			102	43	23	1	19					59	78	56%
3.4	Nguyễn Văn Mười	127	79	48			127	87	42	6	37				2	40	79	55%
3.5	Nguyễn Duy Hoàng	94	59	35			94	53	27	2	24					41	65	55%
4	**Huyện Bảo Yên**	**103**	**53**	**50**			**103**	**68**	**36**	**7**	**24**		**1**			**35**	**60**	**63%**
4.1	Phạm Quang Thiện	21	8	13			21	17	6	2	9					4	13	47%
4	Trần Văn Cầm	38	24	14			38	24	14	4	5		1			14	20	75%
4	Hà Văn Hưng	44	21	23			44	27	16	1	10					17	27	63%
5	**Huyện Bắc Hà**	**103**	**29**	**74**			**103**	**83**	**59**		**24**					**20**	**44**	**71%**
5.1	Kiều Cao Hạnh	43	14	29			43	33	23		10					10	20	70%
5.2	Nguyễn Quang Hiệp	14	4	10			14	11	8		3					3	6	73%
5.3	Tạ Công Hùng	46	11	35			46	39	28		11					7	18	72%
6	**Huyện Văn Bàn**	**245**	**181**	**64**			**245**	**114**	**54**	**5**	**55**					**131**	**186**	**52%**
6.1	Nông Hữu Lan	78	56	22			78	40	20	3	17					38	55	58%
6.2	Nguyễn Đình Thóa	167	125	42			167	74	34	2	38					93	131	49%
7	**Huyện Sa Pa**	**133**	**47**	**86**		**5**	**133**	**110**	**74**		**31**	**5**				**23**	**59**	**67%**
7.1	Ngô Minh Thăng	35	6	29			35	33	27		6					2	8	82%
7.2	Nguyễn Xuân Hoàn	33	20	13		4	33	21	13		3	5				12	20	62%

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành								Chưa có điều kiện thi hành		
			Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:									
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác			
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
7.3	Hoàng Đăng Thiện	65	21	44		1	65	56	34		22					9	31	61%
8	**Huyện Mường Khương**	**146**	**102**	**44**			**146**	**73**	**39**		**33**	**1**				**73**	**107**	**53%**
8.1	Phạm Xuân Đạt	31	13	18			31	21	12		9					10	19	57%
8.2	Nguyễn Hoàng Mai	64	48	16			64	30	16		13	1				34	48	53%
8.3	Nguyễn Mạnh Hường	51	41	10			51	22	11		11					29	40	50%
9	**Huyện Si Ma Cai**	**30**	**14**	**16**			**30**	**14**	**13**		**1**					**16**	**17**	**93%**
9.1	Sùng Quang Dùng	8	6	2			8	2	2							6	6	100%
9.2	Hoàng Văn Bưu	22	8	14			22	12	11		1					10	11	92%

Lào Cai, ngày 06 tháng 01 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Dương Hồng Giang

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Ký bởi: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai
Email: laocai@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp
Thời gian ký:10.01.2017 15:07:04 +07:00

Nguyễn Quốc Lâm